

R

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP TỔNG CỤC

**“NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU
VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NÔNG, LÂM
NGHIỆP VÀ THỦY SẢN”**

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ : VỤ NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN
ĐƠN VỊ PHỐI HỢP: VIỆN KHOA HỌC THỐNG KÊ

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN CHÍNH CỦA ĐỀ TÀI:

1. PGS – TS. Nguyễn Sinh Cúc Vụ trưởng, Chủ nhiệm đề tài
2. Cử nhân Phạm Quang Vinh Phó Vụ trưởng, Phó chủ nhiệm ĐT
3. Cử nhân Nguyễn Hoà Bình, Thư ký đề tài
4. TS. Phùng Chí Hiền, uỷ viên đề tài
5. Cử nhân Lưu Văn Vĩnh, Phó Vụ trưởng, uỷ viên đề tài
6. Cử nhân Hoàng Văn Giang, uỷ viên đề tài
7. Cử nhân Lê Văn Duyệt, uỷ viên đề tài

LỜI MỞ ĐẦU

Để đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành từ Trung ương đến các địa phương về nông, lâm nghiệp và thủy sản, từ nhiều năm qua Vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản phối hợp với các địa phương đã nhiều lần nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản. Hệ thống chỉ tiêu được thể hiện qua các chế độ báo cáo và điều tra thống kê ban hành cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị cơ sở quốc doanh nông, lâm nghiệp, thủy sản và chế độ báo cáo ban hành cho các Bộ ngành liên quan ở trung ương (như: Bộ Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Địa chính,...).

Từ khi nền kinh tế nước ta (trong đó có các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản và nông thôn) chuyển mạnh từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì yêu cầu hệ thống thông tin thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản đã có nhiều thay đổi về nội dung, phương pháp tính và thu thập số liệu. Cơ chế thị trường đòi hỏi hệ thống chỉ tiêu thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản phải hết sức đa dạng, phong phú, khắc phục tình trạng thống kê hiện vật, giản đơn, thiếu các chỉ tiêu phản ánh năng suất, chất lượng và hiệu quả của quá trình sản xuất. Xuất phát từ yêu cầu đó, việc nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản đang là vấn đề cấp bách hiện nay. Đáp ứng yêu cầu này, năm 2001 đề tài khoa học cấp Tổng cục: “Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản” được tiến hành triển khai phối hợp thực hiện giữa Vụ nông, lâm nghiệp, thủy sản và Viện Khoa học thống kê. Mục tiêu, yêu cầu đặt ra của đề tài là tập trung nghiên cứu đánh giá thực trạng những ưu, khuyết điểm chính của hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản hiện hành, phân tích nguyên nhân của những tồn tại, những vấn đề mới được đặt ra, đề ra định hướng và giải pháp nghiên cứu trong từng lĩnh vực thống kê cụ thể (thống kê trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi, lâm nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, hợp tác hoá nông nghiệp,...) nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản thời kỳ 2001 - 2005.

PHẦN I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA ĐỀ TÀI

I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản là một bộ phận trong hệ thống chung của ngành thống kê. Hệ thống đó có vai trò định hướng làm căn cứ cho việc xác định hệ thống chỉ tiêu đầu vào, đầu ra và chế độ báo cáo, điều tra cũng như phương pháp thu thập và xử lý thông tin thống kê trong lĩnh vực này. Tuy vậy, từ trước đến nay, trong công tác thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản vấn đề hệ thống chỉ tiêu chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức nên vai trò “định hướng” cho việc xây dựng chế độ báo cáo, điều tra còn nhiều lúng túng. Tình trạng phổ biến là hệ thống chỉ tiêu đầu vào và đầu ra thường lẫn với nhau và chỉ phục vụ được yêu cầu của cơ chế kế hoạch hoá tập trung và sản xuất tự cung tự cấp trong nông nghiệp.

Từ khi chuyển đổi cơ chế quản lý trong nông, lâm nghiệp và thủy sản từ kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sự lúng túng và bất cập đó càng rõ nét. Cơ chế thị trường đòi hỏi thông tin thống kê nói chung, trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản nói riêng, có nội dung phong phú, chủng loại đa dạng, chất lượng cao hơn và chi tiết, cụ thể hơn. Các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng và hiệu quả phải được sử dụng nhiều hơn, ngược lại các chỉ tiêu hiện vật, giản đơn, chỉ thích hợp với nền nông nghiệp tự cấp tự túc, được sử dụng ít hơn.

Trong chế độ báo cáo và điều tra, do ngành thống kê nghiên cứu và ban hành, tính thống nhất và hiệu quả giữa hai hệ thống chỉ tiêu “đầu vào” và “đầu ra” có yêu cầu cao hơn theo nguyên tắc: Hệ thống chỉ tiêu đầu vào phải lấy hệ thống chỉ tiêu đầu ra làm căn cứ.

Xuất phát từ thực tế đó, yêu cầu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo trong thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản càng trở nên cấp bách. Để đáp ứng yêu cầu này, năm 2001 đề tài khoa học “Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo tổng hợp trong nông, lâm nghiệp và thủy sản” được thực hiện. Một trong những nội dung quan trọng hàng đầu của đề tài là hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đầu vào, đầu ra và chế độ báo cáo thống kê của lĩnh vực này. Và để hoàn thiện nó, trước hết phải đánh giá đúng thực trạng hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo về nông, lâm nghiệp và thủy sản trên cả 2 mặt được và chưa được làm căn cứ cho việc đề xuất phương hướng hoàn thiện nó trong thời kỳ 5 năm 2001 - 2005

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu của đề tài:

Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu (đầu vào, đầu ra) và chế độ báo cáo, điều tra thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại và thiết thực, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần trong cơ chế thị trường định hướng XHCN.

2. Nội dung nghiên cứu:

- Đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra của hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản những năm qua và hiện nay.

- Phân tích nguyên nhân của những tồn tại, nhược điểm của hệ thống và chế độ hiện hành.

- Định hướng và giải pháp hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản thời kỳ 2001 - 2005.

- * Định hướng chung

- * Những đề xuất cụ thể cho từng lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản).

3. Phương pháp nghiên cứu:

- Xác định nhu cầu thông tin thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản trong cơ chế mới của các cấp, các ngành Trung ương và địa phương.

- Phân tích, đánh giá ưu, nhược điểm của hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản hiện hành.

- Tham khảo nghiên cứu kinh nghiệm các nước trong khu vực và quốc tế.

- Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý.

- Khảo sát thực tế tại một số địa phương và cơ sở về thực trạng hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo, điều tra thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện hành.

- Viết các báo cáo chuyên đề về từng nội dung, từng lĩnh vực cụ thể.

III. CÁC SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

1. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài, gồm các phần:

- Những vấn đề chung của đề tài

- Đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản hiện hành.

- Phương hướng hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Một số đề nghị cụ thể hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài (19 trang).
3. Các chuyên đề khoa học các vấn đề cụ thể về đánh giá thực trạng và hướng hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản từng lĩnh vực. (Tập I: 90 trang, tập II: 133 trang).
4. Tài liệu dịch hệ thống chỉ tiêu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản khu vực châu Á - Thái Bình Dương (123 trang).

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN HIỆN HÀNH.

Từ trước đến nay hệ thống chỉ tiêu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện hành được thể hiện trong các chế độ báo cáo và điều tra (ban hành theo quyết định số: 300 -TCTK/NLTS ngày 19-7-1996 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê), bao gồm các loại chủ yếu sau đây:

- *Kết quả các cuộc điều tra định kỳ hàng năm, gồm có:*

- + Số lượng hộ, nhân khẩu, lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện có đến ngày 1 tháng 7 hàng năm.
- + Diện tích đất các loại hiện có đến ngày 31-12 hàng năm.
- + Máy móc, thiết bị chủ yếu trong nông, lâm, thủy sản 1-7 hàng năm.
- + Công trình thủy lợi 1-7 hàng năm.
- + Cơ giới hoá làm đất và thủy lợi hoá (báo cáo theo vụ sản xuất).
- + Danh mục và số lượng các đơn vị quốc doanh nông, lâm nghiệp, thủy sản 31-12 hàng năm.
- + Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm (theo vụ sản xuất, năm).
- + Diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm (báo cáo năm).
- + Số lượng, sản phẩm chăn nuôi 1-10 hàng năm.
- + Đàn lợn 1-4 hàng năm.
- + Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (báo cáo năm).
- + Chi phí trung gian ngành nông nghiệp (báo cáo năm).
- + Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp (báo cáo năm).
- + Diện tích rừng hiện có đến 31-12 hàng năm.
- + Trồng rừng, chăm sóc rừng, nuôi rừng (báo cáo 9 tháng, năm).
- + Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp (báo cáo năm).
- + Chi phí trung gian ngành lâm nghiệp (báo cáo năm).
- + Giá trị tăng thêm ngành lâm nghiệp (báo cáo năm).
- + Thiệt hại rừng (báo cáo năm).
- + Nuôi trồng thủy sản (báo cáo năm).

- + Đánh bắt thủy sản (báo cáo năm).
- + Sản lượng thủy sản (báo cáo năm).
- + Giá trị sản xuất ngành thủy sản (báo cáo năm).
- + Chi phí trung gian ngành thủy sản (báo cáo năm).
- + Giá trị tăng thêm ngành thủy sản (báo cáo năm).

Từ năm 1998, nội dung thông tin trong báo cáo của các Cục thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn bổ sung thêm chỉ tiêu số lượng và cơ cấu các trang trại, số lượng các HTXNN đổi mới theo luật HTX.

- *Các thông tin điều tra chuyên đề, điều tra trọng điểm:* về nông, lâm nghiệp và thủy sản ở một số tỉnh trọng điểm (như: điều tra hoạt động của các đơn vị quốc doanh nông nghiệp, điều tra kinh tế trang trại ở 4 tỉnh trọng điểm, điều tra diện tích, năng suất, sản lượng cây cà phê, cao su, hồ tiêu,...).

- *Các thông tin về Tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn.*

- *Các cuốn niên giám thống kê chuyên ngành:* Niên giám nông, lâm nghiệp và thủy sản được hệ thống hoá theo chu kỳ 5 năm, 10 năm, 15 năm,... tùy theo yêu cầu của các NXB.

1. Đánh giá chung ưu điểm: Từ năm 1996 đến nay, khái quát ưu điểm cơ bản của hệ thống chỉ tiêu nông, lâm nghiệp, thủy sản là phản ánh được thực trạng tình hình sản xuất nông, lâm, nghiệp thủy sản của cả nước qua từng thời kỳ, phục vụ yêu cầu lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong việc phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, thực hiện các chương trình, dự án lớn trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản từng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm. Số liệu không những đáp ứng yêu cầu phục vụ các cấp, các ngành trong nước mà còn đáp ứng một phần yêu cầu thông tin, so sánh quốc tế khu vực và thế giới (tổ chức FAO, UNDP, WB,...). Chất lượng thu thập thông tin được nâng cao từng bước và phương pháp thu thập hệ thống chỉ tiêu được nghiên cứu cải tiến ngày càng khoa học và phù hợp hơn với yêu cầu chỉ đạo thực tiễn ở địa phương và cơ sở. Những ưu điểm thể hiện cụ thể trên các mặt sau đây:

Một là: Tất cả các chỉ tiêu nêu trên đều được thu thập, tổng hợp theo chế độ báo cáo và điều tra thống nhất do Tổng cục thống kê ban hành, nên tính thống nhất của số liệu khá cao: từ huyện lên tỉnh, lên TW được tổng hợp theo đơn vị hành chính, phân tổ theo thành phần kinh tế với phương pháp tính thống nhất như: sản lượng lương thực, năng suất lúa, sản lượng cà phê, sản lượng thủy sản, ... số liệu đầu ra của cấp dưới là số liệu đầu vào của cấp trên trực tiếp và cộng tổng số của các cấp dưới thành số liệu của cấp trên trực tiếp, không phải xử lý. Đối với một số chỉ tiêu quan trọng như: sản lượng lương thực, năng suất lúa, đàn lợn, trâu, bò,... TW chỉ tiết đến cấp tỉnh và đến cấp huyện. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện nguyên tắc

thống nhất cao trong toàn ngành thống kê về công bố và phổ biến thông tin ở TW, địa phương và các ngành, các cấp. Đó là ưu điểm nổi bật của hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo hiện hành về thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện hành. Tính thiết thực, dễ hiểu, dễ thực hiện, phù hợp với hệ thống tổ chức và trình độ cán bộ thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản các cấp từ huyện, tỉnh đến TW.

Hai là: Tính liên tục, hệ thống giữa các chỉ tiêu, các năm, các thời kỳ, các địa phương khá cao nên đảm bảo khả năng so sánh theo không gian, theo thời gian, phục vụ cho công tác phân tích thống kê. Do thống nhất về nội dung chỉ tiêu, phương pháp tính, phương pháp phân tổ nên tất cả các loại số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản từ trước đến nay đều có thể so sánh, phân tích và tính toán dễ dàng, không cần xử lý (trừ trường hợp thay đổi địa giới hành chính các cấp). Ưu điểm này không chỉ đối với nội bộ ngành thống kê mà còn đối với những cơ quan và cá nhân khai thác sử dụng thông tin thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu đã được hệ thống hoá từ khi có ngành thống kê đến nay, không cần xử lý.

Ba là: Khả năng phổ biến thông tin nông, lâm nghiệp, thủy sản đối với quốc tế và khu vực tăng dần, do nội dung và phương pháp tính toán các chỉ tiêu thống kê theo chế độ hiện hành phân lớn đã tiếp cận với hệ thống chỉ tiêu thống kê Liên hợp quốc, FAO,... trước hết là các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả sản xuất như: diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng nông nghiệp, số lượng và sản phẩm chăn nuôi, sản lượng thủy sản, giá trị sản xuất và chi phí trung gian các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Bốn là: Trên cơ sở tính thống nhất và tính hệ thống được đảm bảo, hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục thống kê đều cung cấp kịp thời số liệu nông, lâm nghiệp, thủy sản của địa phương và cả nước phục vụ yêu cầu đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra ở mỗi cấp, tính toán, cân đối nhiều chỉ tiêu có liên quan như: xuất khẩu gạo, nhập khẩu phân bón, xác định lúa hàng hoá, điều chỉnh giá mua lúa của dân, hỗ trợ lãi suất tín dụng mua lúa tạm trữ, cà phê tạm trữ chờ xuất khẩu,... Kết quả báo cáo của ngành thống kê với hệ thống chỉ tiêu khá toàn diện được thu thập xử lý đúng phương pháp, đảm bảo tính khách quan đã được Đảng và Nhà nước thống nhất sử dụng trong công tác quản lý và điều hành ở tất cả các cấp, các ngành. Độ tin cậy của thông tin thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản ngày càng được nâng cao.

Năm là: Từng bước hoà nhập với hệ thống thống kê nông, lâm, thủy sản

quốc tế. Phần cung cấp cho các tổ chức quốc tế chủ yếu do Vụ Nông, lâm nghiệp và thủy sản thực hiện thông qua hình thức cung cấp số liệu hàng năm: các cuốn số liệu lịch sử (niên giám) đã công bố và các báo cáo chuyên đề, các bảng hỏi theo yêu cầu của FAO hoặc các tổ chức quốc tế khác (WB, IMF, PAM, UNDP,...) nhưng không theo chế độ quy định. Nhờ vậy, thông tin thống kê nông nghiệp Việt Nam ngày nay đã đến với nhiều tổ chức quốc tế và nhiều nước, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến những thành tựu về nông nghiệp và nông thôn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Qua các số liệu thống kê nông, lâm, thủy sản Việt Nam cung cấp, các nước, các tổ chức quốc tế có thêm thông tin về Việt Nam và qua đó họ hiểu hơn về đất nước, con người Việt Nam, nhất là nông, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam. Nhiều nhà đầu tư nước ngoài đã và đang sử dụng các thông tin này phục vụ cho việc lựa chọn, tính toán các phương án đầu tư của họ vào lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam. Nhiều chỉ tiêu thống kê của FAO, các Tổ chức quốc tế và khu vực đã được vận dụng và bổ sung vào chế độ báo cáo thống kê Việt Nam.

Những năm gần đây, với tiến bộ của công nghệ thông tin, mở rộng hình thức giao lưu quốc tế: nội dung và hình thức phổ biến thông tin thống kê nông, lâm, thủy sản Việt Nam đã phong phú hơn, cập nhật hơn. Một số thông tin đã được phổ biến trên trang Web và đã đến với các tổ chức quốc tế, nhất là FAO, bổ sung cho nguồn thông tin vốn rất nghèo nàn của Việt Nam về lĩnh vực này vẫn tồn tại từ trước đến nay. Khả năng hội nhập và mở cửa trong lĩnh vực thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam đã có nhiều tiến bộ.

2. Tồn tại và nhược điểm:

2.1. Về hệ thống chỉ tiêu:

Trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện nay, tồn tại lớn nhất là thiếu các chỉ tiêu về chất lượng và hiệu quả sản xuất. Trong chế độ báo cáo và điều tra hiện hành chỉ bao gồm các chỉ tiêu số lượng, tập trung vào những cây trồng và vật nuôi quan trọng như: lúa, ngô, cà phê, cao su, gia súc, thủy sản với các chỉ tiêu chủ yếu là: diện tích, năng suất, sản lượng, số lượng đầu con và sản phẩm chính. Các chỉ tiêu về giá trị, chất lượng và hiệu quả sản xuất, hiệu quả đầu tư cho cây trồng, con gia súc chính đều chưa có hoặc chưa đồng bộ. Việc chưa thống kê được những chỉ tiêu phản ánh giá trị, chất lượng, hiệu quả sản xuất nêu trên (cả về phương pháp thu thập, tính toán, tổng hợp, phân tích các chỉ tiêu này) đã hạn chế rất lớn đến quá trình đánh giá, phân tích sâu sắc trong công tác thống kê phục vụ yêu cầu chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp, các ngành đối với sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Cần đổi nguồn cung cấp thông tin giữa Tổng cục Thống kê, các Bộ ngành liên quan, các Vụ trong nội bộ tổng cục thống kê và với các địa phương và cơ sở có thể thấy tình trạng vừa thừa, vừa thiếu thông tin nông, lâm nghiệp, thủy sản diễn ra khá phổ biến. Tình trạng hệ thống chỉ tiêu trùng lặp, phân tán đã gây lãng phí không ít tiền bạc, công sức điều tra, thu thập và tổng hợp tài liệu, nhưng số liệu lại không thống nhất, thiếu hệ thống, hạn chế rất lớn quá trình phân tích trong những lĩnh vực liên quan.

2.2. Về chế độ báo cáo và điều tra:

a) Hình thức thu thập thông tin nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở các địa phương:

Chủ yếu vẫn là hình thức điều tra, nhưng do hạn chế về kinh phí và lực lượng nên chất lượng số liệu nhìn chung chưa cao.

Đối với điều tra toàn bộ (như: diện tích gieo trồng, số lượng đàn gia súc, số lượng máy móc và các công trình thủy lợi, số lượng HTXNN, số lượng trang trại, tàu thuyền đánh cá, vv...) hiện nay chưa thực hiện đầy đủ cho tất cả các loại đối tượng điều tra, mà chỉ dừng lại ở một số đối tượng chủ yếu như diện tích gieo trồng lúa, ngô, cà phê, cao su, còn hầu hết các đối tượng khác chỉ điều tra theo chu kỳ 3-5 năm một lần, các năm không điều tra phải khai thác các nguồn số liệu khác để bổ sung hoặc điều tra mẫu để điều chỉnh. Một số cuộc điều tra lẽ ra phải tiến hành toàn bộ nhưng do thiếu kinh phí nên phải điều tra mẫu (chăn nuôi, máy nông nghiệp, vv...)

Đối với điều tra mẫu (như điều tra năng suất, sản lượng cây trồng, cơ cấu và chất lượng đàn gia súc, giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, vv...) đều phải hạn chế số lượng mẫu, đơn giản cách chọn mẫu, cách tính toán sao cho vừa đáp ứng được yêu cầu cơ bản về độ tin cậy của số liệu, nhưng lại vừa với kinh phí quá ít và lực lượng cán bộ mỏng và bán chuyên trách của thống kê cơ sở. Số lượng mẫu ít, khả năng đại diện thấp, sai số chọn mẫu sẽ cao, ảnh hưởng đến chất lượng kết quả suy rộng. Đối với một số cuộc điều tra quan trọng như năng suất lúa, ngô, cà phê, yêu cầu thông tin theo cấp hành chính (kể cả cấp xã) là rất lớn, trong khi khả năng kinh phí có hạn nên số lượng mẫu được chọn chỉ đại diện cho cấp huyện và cấp tỉnh, cấp Trung ương không đại diện cho cấp xã hoặc cho từng giống lúa, trà lúa (điều tra năng suất lúa). Ví dụ: điều tra năng suất lúa hiện nay chỉ tiến hành ở 1/3 số xã, với 200 hộ mẫu/huyện đồng bằng, 100 hộ mẫu/huyện miền núi là rất ít. Vì vậy, bên cạnh mẫu chung của huyện, nhiều xã lại có mẫu riêng của từng xã để họ điều tra, tính toán năng suất lúa cho xã theo chỉ đạo của huyện. Như vậy, cùng một cuộc điều tra năng suất lúa

trên cùng một huyện có 2 đàn mẫu khác nhau đan xen 2 lực lượng, 2 nguồn kinh phí khác nhau, dẫn đến 2 kết quả khác nhau, điều này đã xảy ra ở nhiều địa phương, dẫn đến sự đánh giá khác nhau.

Đối với các cuộc điều tra mẫu khác, do kinh phí ít và lực lượng mỏng, nên sai số chọn mẫu và phi chọn mẫu đều là những vấn đề nan giải, ngành thống kê biết nhưng chưa xử lý hết. Hiện tượng chênh lệch quá lớn về năng suất các loại cây trồng giữa vùng này với vùng khác, tỉnh này với tỉnh khác, huyện này với huyện khác là phổ biến, có khi rất lớn, rất vô lý nhưng rất khó diễn giải, điều chỉnh như tình trạng năng suất lúa của một số tỉnh miền núi phía Bắc lại cao hơn vùng đồng bằng, năng suất xoài của tỉnh An Giang cao hơn tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, năng suất dừa Tây Nguyên cao hơn dừa các tỉnh Nam bộ, năng suất cà phê các tỉnh miền núi phía Bắc cao hơn cả phê tỉnh Đắk Lắk, vv...

b) Hình thức thu thập thông tin nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ ngành liên quan:

Sự tồn tại của 2 hệ thống thu thập thông tin thống kê nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: hệ thống thống kê Nhà nước và thống kê của các Bộ ngành liên quan cũng gây khó khăn rất lớn cho công tác thống kê hiện nay. Hệ thống thống kê Nhà nước chịu trách nhiệm thu thập, công bố số liệu nông, lâm nghiệp, thủy sản cả nước từ số liệu về điều kiện sản xuất (như: đất đai, lao động, máy móc, vv...) đến kết quả sản xuất và là số liệu chính thống của Nhà nước. Thống kê Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản, Tổng cục Địa chính thu thập các thông tin tác nghiệp phản ánh quá trình sản xuất, kết quả sản xuất, thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản, khoa học-công nghệ, kỹ thuật sản xuất, biến động ruộng đất,... Sự phân công như trên tuy có mặt tích cực là chuyên môn hoá cao, nhưng có nhược điểm là vẫn bị trùng chéo, nguồn thông tin bị chia cắt, phân tán giữa các giai đoạn của một quá trình sản xuất, dẫn đến sự hạn chế tính thống nhất và liên tục trong theo dõi và đánh giá kết quả sản xuất.

c) Hình thức thu thập thông tin nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở các đơn vị cơ sở:

Số lượng đơn vị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản cả nước rất lớn, đến năm 2001 khoảng 14 triệu, trong đó chủ yếu là hộ gia đình nông dân. Quy mô mỗi đơn vị sản xuất lại rất nhỏ, phân tán, hoạt động đa dạng theo tính tự phát của từng hộ nông dân, các đơn vị doanh nghiệp nông nghiệp của các thành phần kinh tế luôn thay đổi tổ chức và cách thức hoạt động. Doanh nghiệp tư nhân trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đang tồn tại trong thực